



新興国市場開拓事業

(技術実証を通じた相手国での新技術等の普及促進事業)

(ベトナム・インドネシア・タイ等：我が国環境技術の見える化事業)

Tien Nga Lake in Vietnam

(ティンガ湖)

Clarification of rivers & lakes

2014.12.1～2015.1.31



THỰC NGHIỆM LỌC SẠCH NƯỚC HỒ TIỀN NGÃ

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ NHẬT BẢN

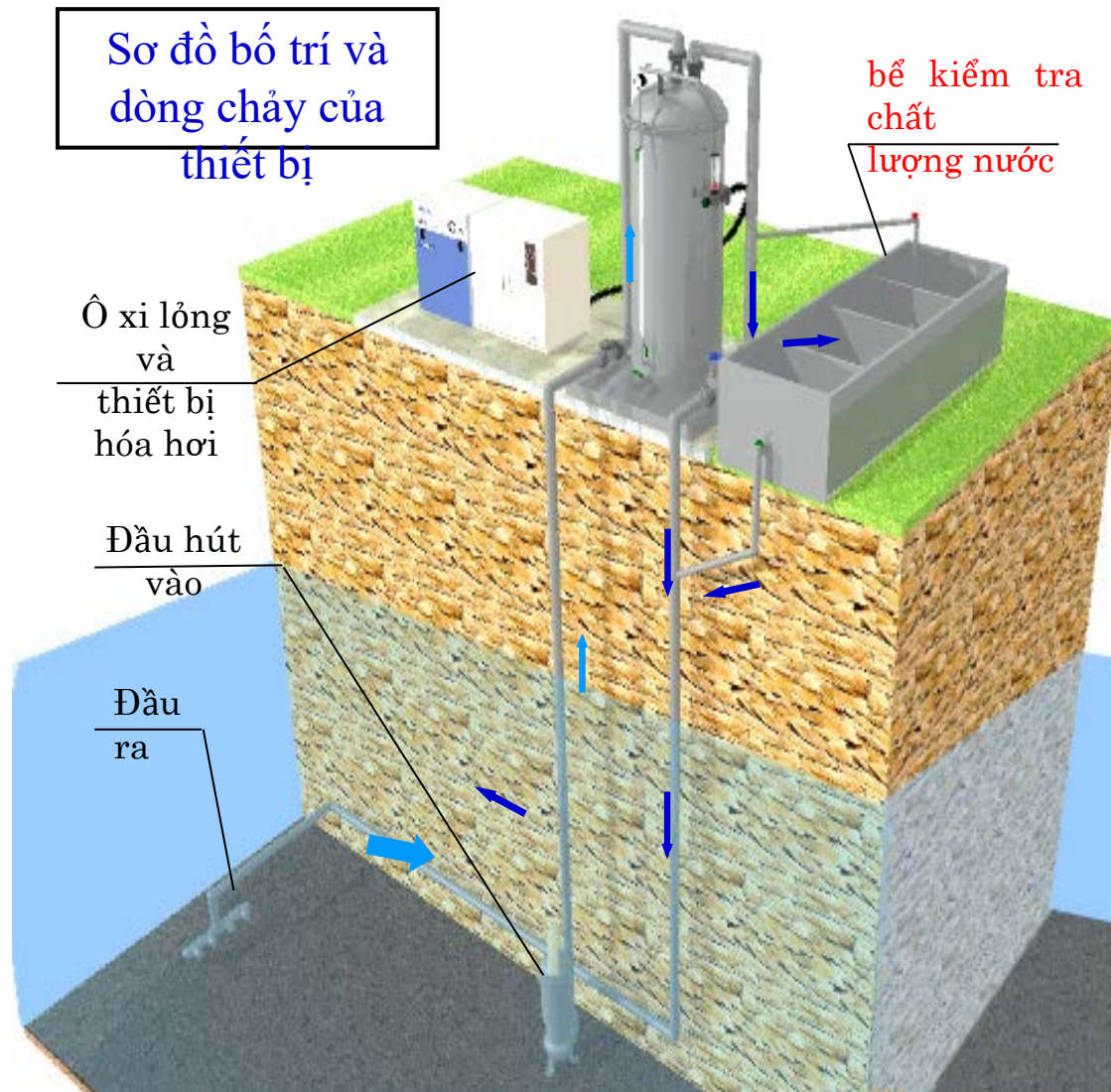
SỬ DỤNG "SỨC MẠNH CỦA THIÊN NHIÊN", VI MỘT MÔI TRƯỜNG SỐNG TRONG SẠCH.

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN
MÔI TRƯỜNG BỊ HỦY HOẠI
BẰNG CÔNG NGHỆ
THÂN THIỆN
CỦA NHẬT BẢN



Thiết bị lọc nước tiên tiến hệ "Oxy Fighter" là hệ thống sử dụng thiết bị giải phóng oxy nồng độ cao "Oxy Fighter" chuyển các chất ô nhiễm trong nước về cơ chế tự nhiên, nhằm cải thiện nồng độ oxy ở tầng nước đáy, nơi đã bị ô nhiễm do các chất thải chảy xuống đáy. Việc cải thiện nồng độ oxy ở tầng nước đáy vốn bị tích tụ chất ô nhiễm sẽ thúc đẩy hoạt động của các vi sinh vật hiếu khí, giải phóng lớp bùn hữu cơ tại đó. Sử dụng sức mạnh của chuỗi thức ăn bản địa trước và sinh vật, sẽ đẩy mạnh khả năng cải thiện môi trường bằng chính năng lực vốn có của tự nhiên.





Layout

State of installation (設置風景)



Research point in Tien Nga lake



Tien Nga lake



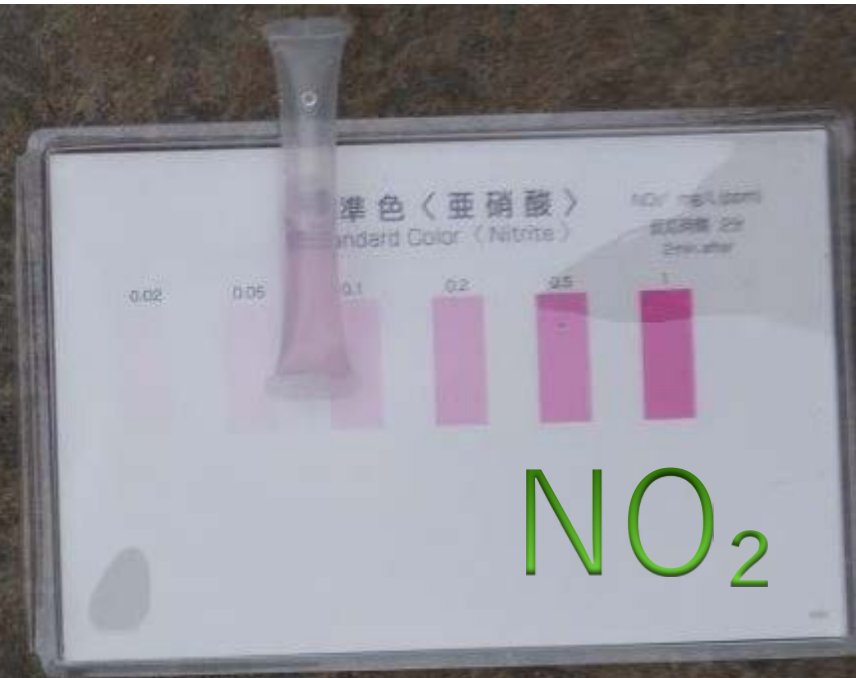
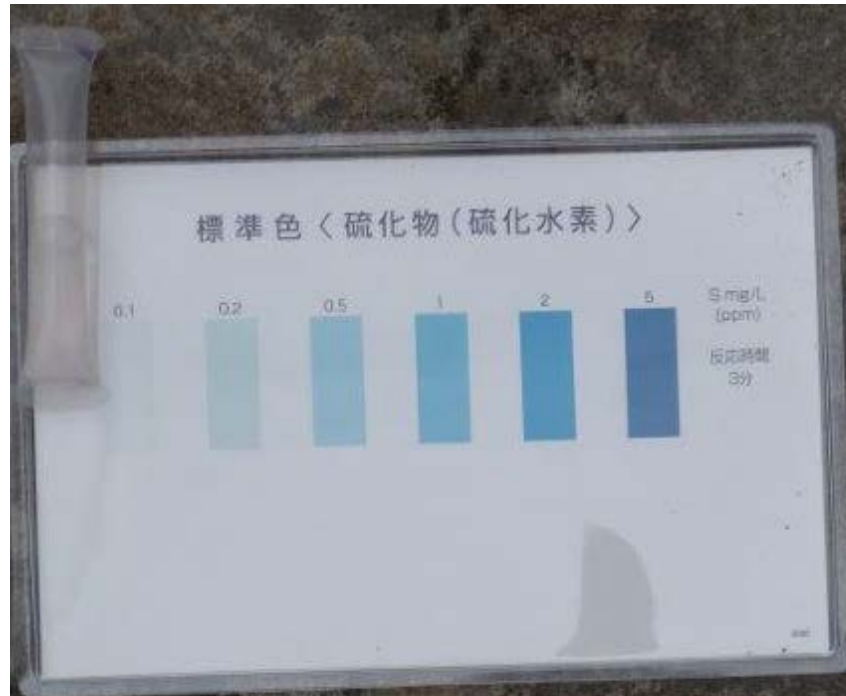
**CHUNG TAY BẢO VỆ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC
LÀ BẢO VỆ CUỘC SỐNG CỦA MỌI GIA ĐÌNH
HÃY THAM GIA NGAY TỪ BÂY GIỜ**

HỖY ĐỀ PHÓT
3554929
0122.882.79.39

Đơn vị quản lý: CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC HẢI PHÒNG
GỌI CHO CHÚNG TÔI KHI CÁC BẠN CẦN
031.3747 810
031.3823 253



2014.10.05



NO_2

2014.10.05



NH_4



污泥 Sludge





ORP

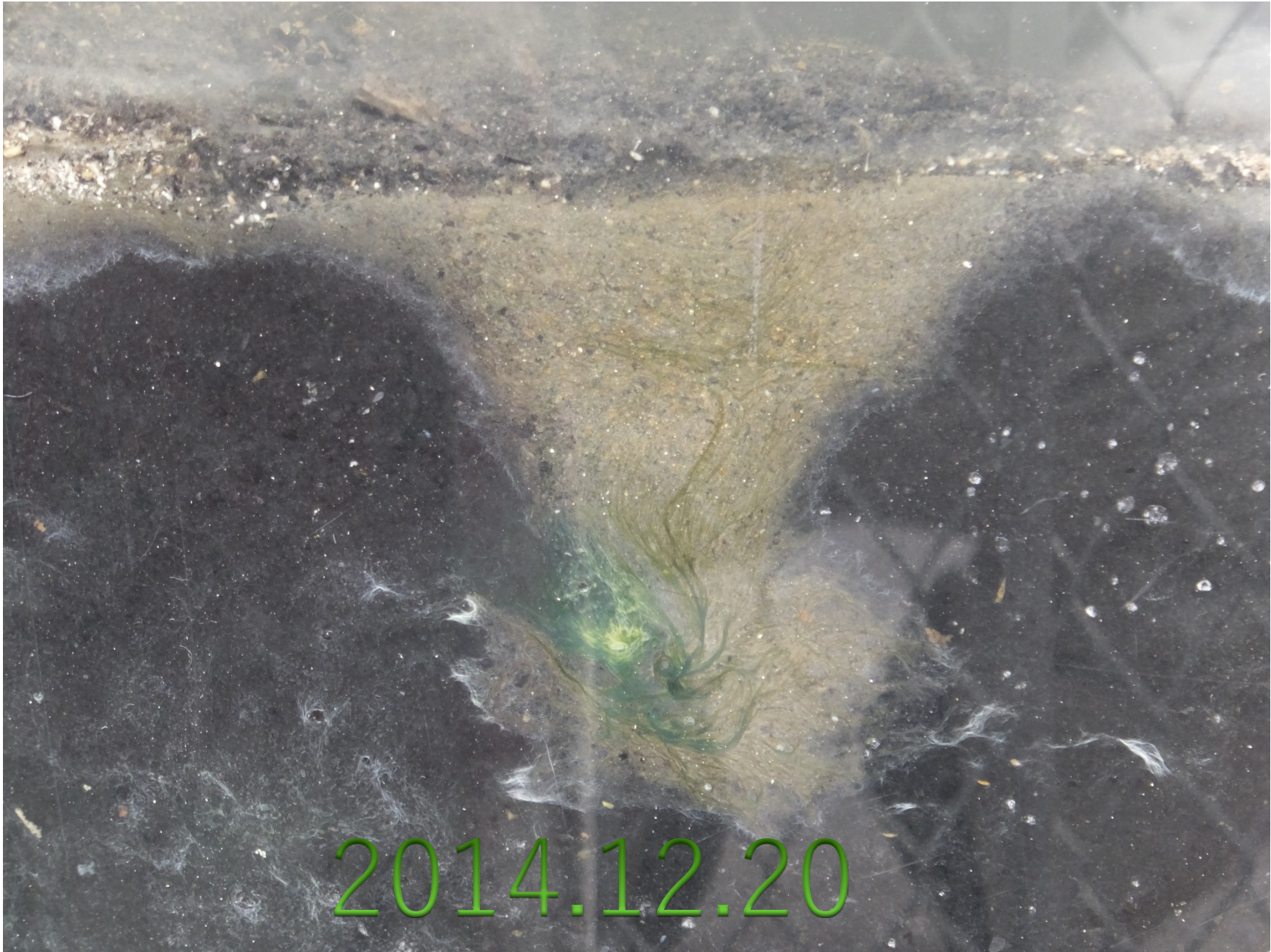
2014.12.19

DO

Sampling tank

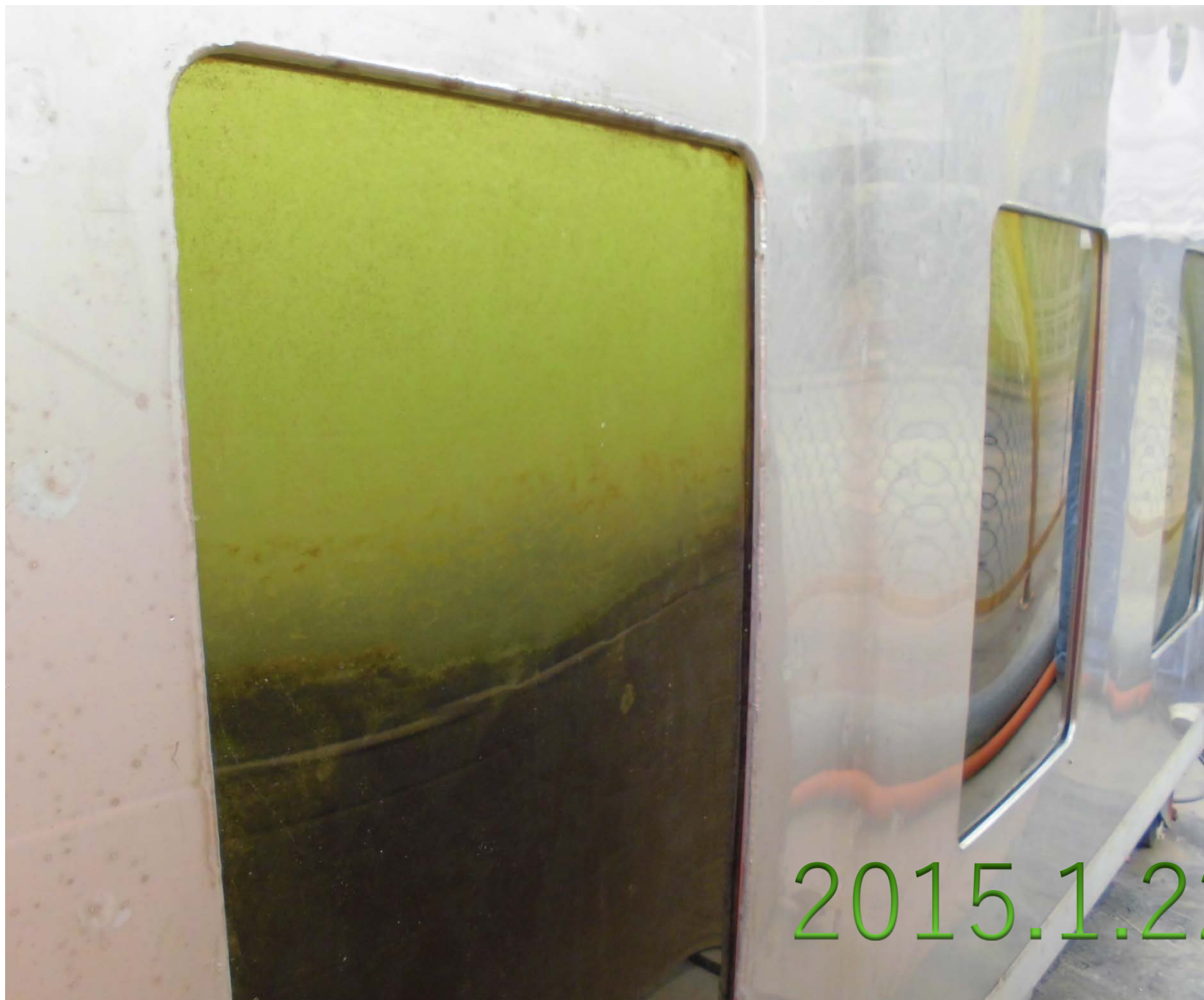


2014.12.19





2015.1.12





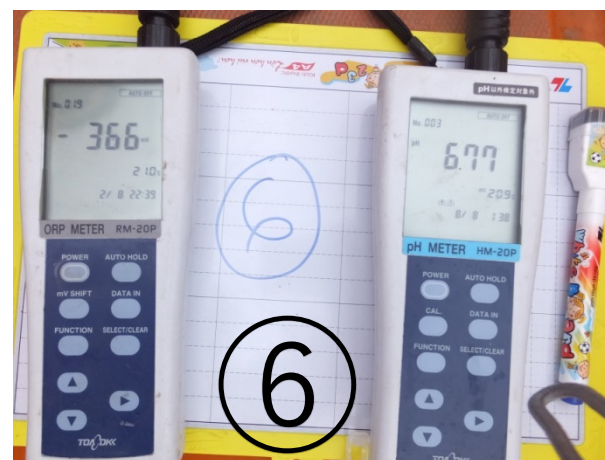
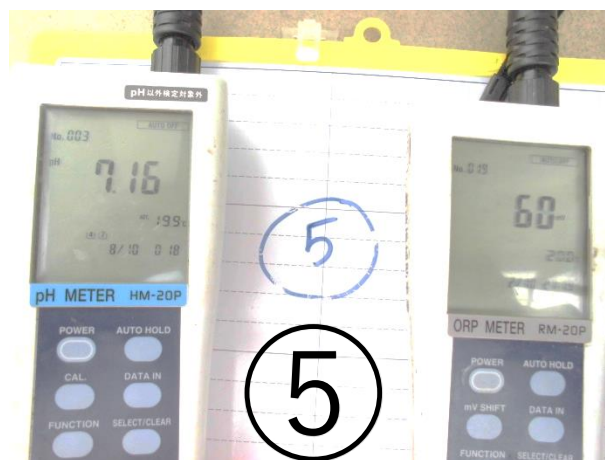
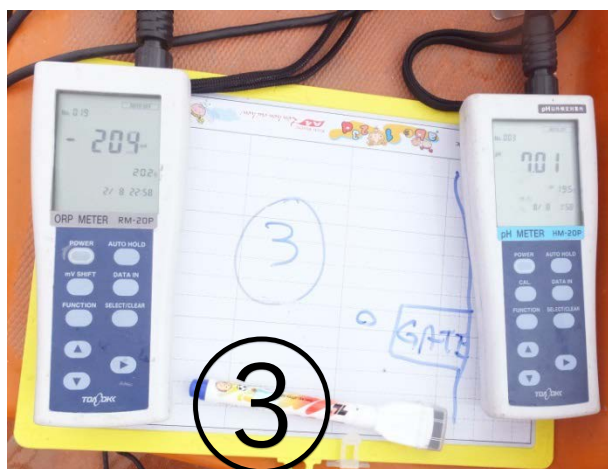
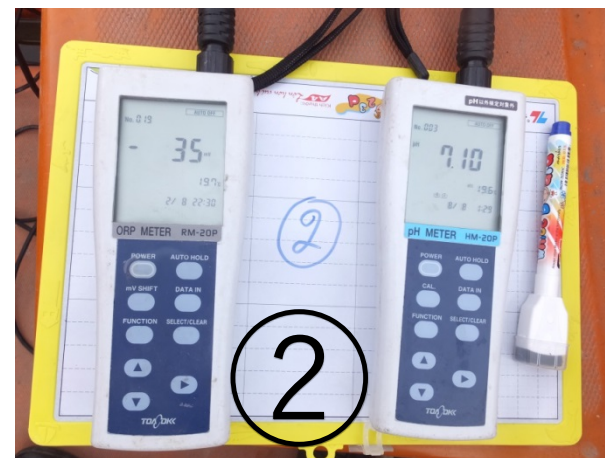
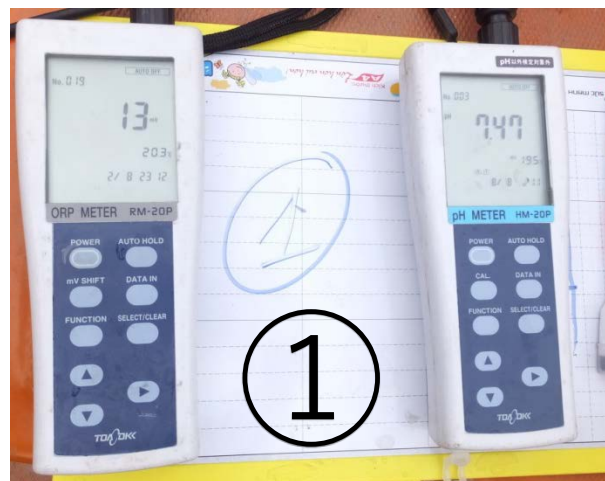
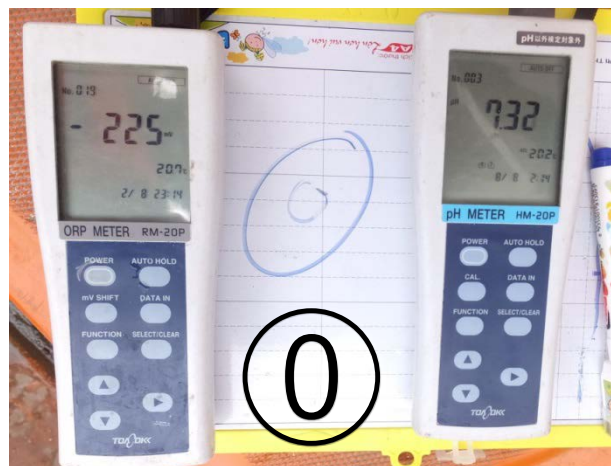










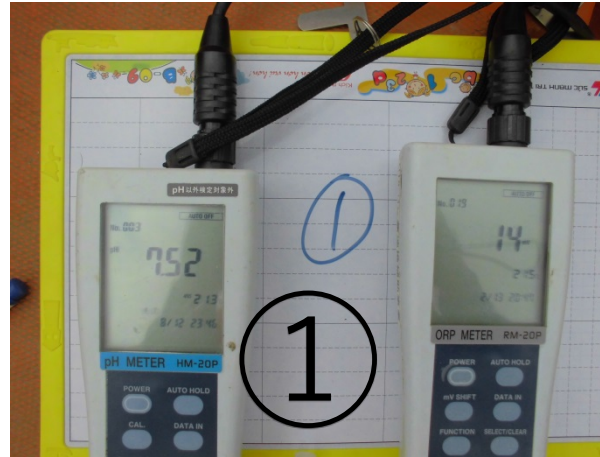


2015.1.24

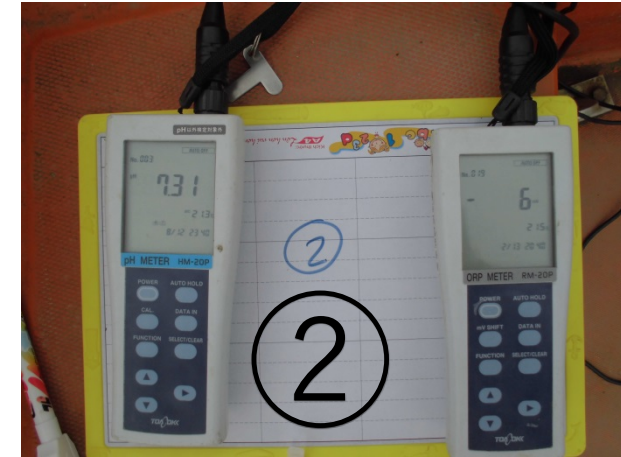
2015.1.29



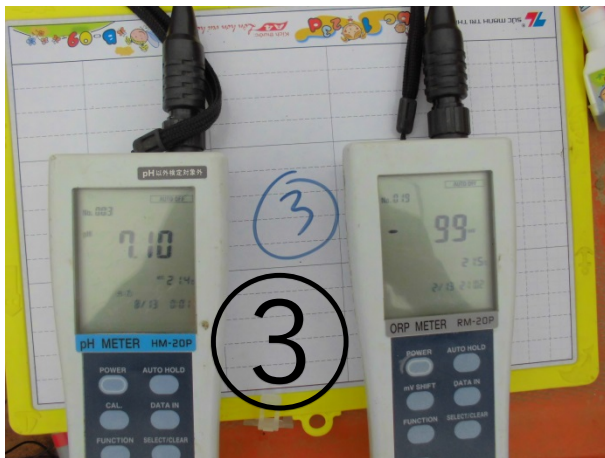
ORP: -225 → -25



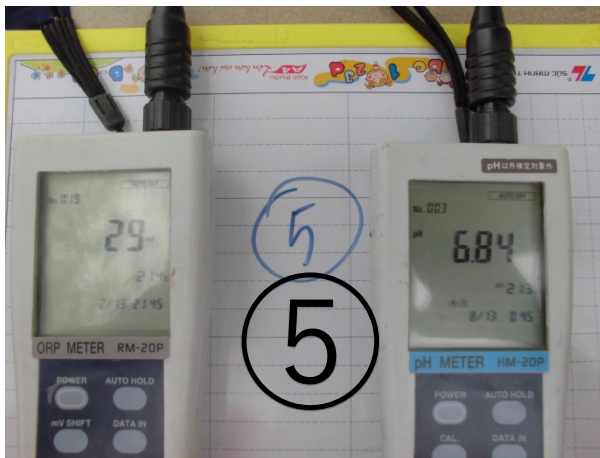
ORP: 13 → 14



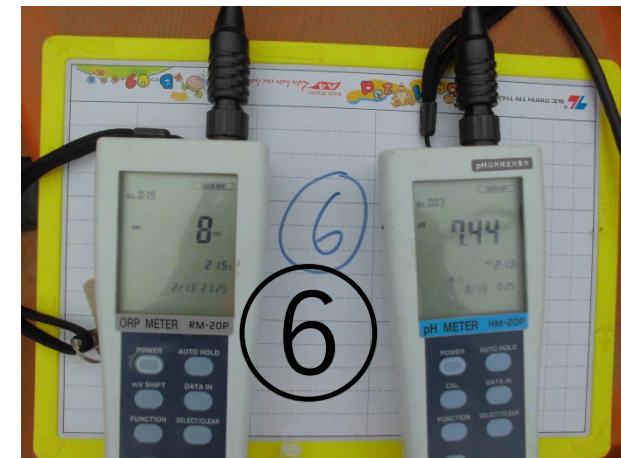
ORP : -35 → -6



ORP: -204 → -99



ORP: 60 → 29



ORP : -336 → -8

NO_2

NH_4

NO_3

H_2S

COD

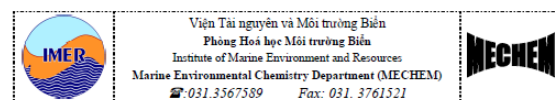
Sampling tank

2015.1.28

⑤ ⊕

⑤

分析結果
Result of analysis



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HOÀ HỌC

Results of chemical analysis

Tên khách hàng/ Name of clients	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương Mại Anh Hương
Địa chỉ/ Add	1/68/170 Nguyễn Hữu Điều, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Ngày quan trắc/ Date of monitoring	Ngày 09 tháng 12 năm 2014
Địa điểm quan trắc/ Place of monitoring	Hồ Thiên Nga, Hải Phòng

Tên mẫu/ Name of sample	Mẫu bùn: Điểm 1 (20°51'31.1"N; 106°41'41.2"E) Điểm 2 (20°51'30.8"N; 106°41'41.8"E) Điểm 3 (20°51'34.1"N; 106°41'45.2"E)
----------------------------	--

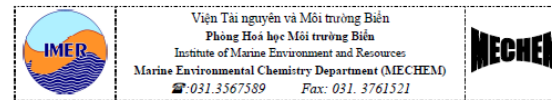
TT/ No	Thông số/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp/ Method	Kết quả/Results		
				Điểm 1	Điểm 2	Điểm 3
1	Tổng Nitơ (N.T)	mg/kg	Standard Method Turin	41345	47682	35953
2	Tổng photpho (P.T)	mg/kg	Quang phổ hấp phụ- DR 2000	3091	3214	2985
3	TOC (T-C)	mg/kg	Quang phổ hấp phụ- DR 2000	167259	206863	158516

Phó Viện trưởng

Hải Phòng, ngày 17 tháng 12 năm 2014
TM/nhóm phân tích

TS. Đinh Văn Huy

KS. Vũ Thị Lựu



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HOÀ HỌC

Results of chemical analysis

Tên khách hàng/ Name of clients	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương Mại Anh Hương
Địa chỉ/ Add	1/68/170 Nguyễn Hữu Điều, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Ngày quan trắc/ Date of monitoring	Ngày 20 tháng 1 năm 2015
Địa điểm quan trắc/ Place of monitoring	Hồ Thiên Nga, Hải Phòng

Tên mẫu/ Name of sample	Mẫu bùn: Điểm 0 (20°51'30.6"N; 106°41'41.3"E) Điểm 1 (20°51'31.1"N; 106°41'41.2"E) Điểm 2 (20°51'30.8"N; 106°41'41.8"E) Điểm 3 (20°51'34.1"N; 106°41'45.2"E) Điểm 5 (Mẫu bùn trong bể kiểm tra chất lượng nước)
----------------------------	--

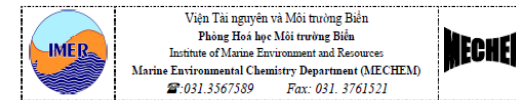
TT/ No	Thông số/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp/ Method	Kết quả/Results				
				Điểm 0	Điểm 1	Điểm 2	Điểm 3	Điểm 5
1	Tổng nitơ (N.T)	mg/kg	Standard Method Turin	22431	23867	36198	28073	15980
2	Tổng photpho (P.T)	mg/kg	Quang phổ hấp phụ - DR 2000	2006	2143	2854	2460	1436
3	TOC (T-C)	mg/kg	Quang phổ hấp phụ - DR 2000	119785	125964	165758	142359	96583

Phó Viện trưởng

Hải Phòng, ngày 30 tháng 1 năm 2015
TM/nhóm phân tích

TS. Đinh Văn Huy

KS. Vũ Thị Lựu



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HOÀ HỌC

Results of chemical analysis

Tên khách hàng/ Name of clients	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương Mại Anh Hương
Địa chỉ/ Add	1/68/170 Nguyễn Hữu Điều, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Ngày quan trắc/ Date of monitoring	Ngày 20 tháng 1 năm 2015
Địa điểm quan trắc/ Place of monitoring	Hồ Thiên Nga, Hải Phòng

Tên mẫu/ Name of sample	Mẫu bùn: Điểm 0 (20°51'30.6"N; 106°41'41.3"E) Điểm 1 (20°51'31.1"N; 106°41'41.2"E) Điểm 2 (20°51'30.8"N; 106°41'41.8"E) Điểm 3 (20°51'34.1"N; 106°41'45.2"E) Điểm 5 (Mẫu bùn trong bể kiểm tra chất lượng nước)
----------------------------	--

TT/ No	Thông số/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp/ Method	Kết quả/Results				
				Điểm 0	Điểm 1	Điểm 2	Điểm 3	Điểm 5
1	Tổng nitơ (N.T)	mg/kg	Standard Method Turin	22431	23867	36198	28073	15980
2	Tổng photpho (P.T)	mg/kg	Quang phổ hấp phụ - DR 2000	2006	2143	2854	2460	1436
3	TOC (T-C)	mg/kg	Quang phổ hấp phụ - DR 2000	119785	125964	165758	142359	96583

Phó Viện trưởng

Hải Phòng, ngày 30 tháng 1 năm 2015
TM/nhóm phân tích

TS. Đinh Văn Huy

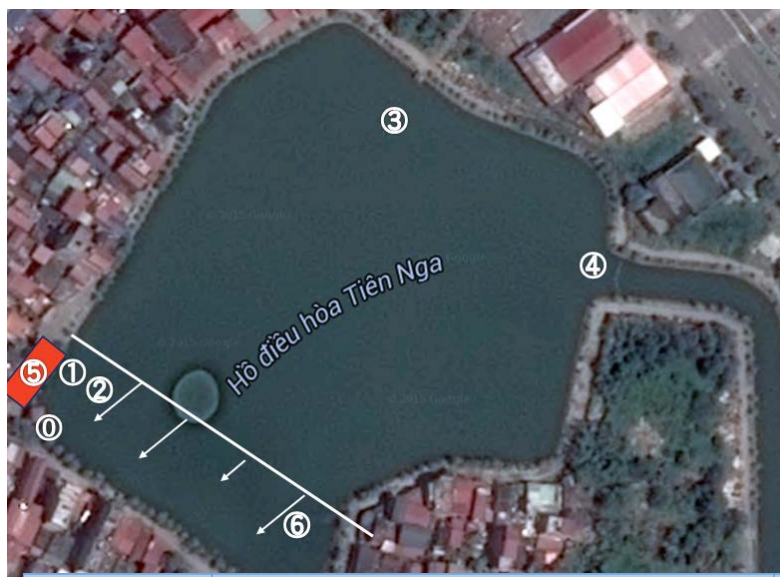
KS. Vũ Thị Lựu



Sludge Quality

Result of analysis

	Point 0 (Suction)			Point 1(Drain)		
(mg/kg)	9-Dec	4-Jan	20-Jan	9-Dec	4-Jan	20-Jan
T-N	-	39438	22431	41345	36789	23867
T-P	-	3005	2006	3091	2754	2143
T-C	-	168259	119785	167259	154682	125964



Sludge Quality

Result of analysis

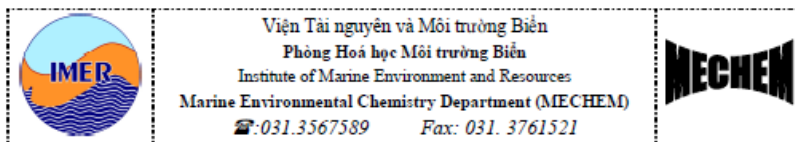
	Point 2 (Suction)			Point 3 (Sewage IN)			Point 5 (Sampling Tank)		
(mg/kg)	9-Dec	4-Jan	20-Jan	9-Dec	4-Jan	20-Jan	9-Dec	4-Jan	20-Jan
T-N	47682	40156	36198	35953	-	28073	-	31200	15980
T-P	3214	3128	2854	2985	-	2460	-	2653	1436
T-C	206863	186643	165758	158516	-	142359	-	134456	96583



Sludge Quality

Result of analysis

	Point 0 (Suction)			Point 5 (sampling tank)		
(mg/kg)	9-Dec	4-Jan	20-Jan	9-Dec	4-Jan	20-Jan
T-N	-	39438	22431	-	31200	15980
T-P	-	3005	2006	-	2653	1436
T-C	-	168259	119785	-	134456	06583



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HOÁ HỌC

Results of chemical analysis

Tên khách hàng/ <i>Name of clients</i>	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương Mại Anh Hương
Địa chỉ/ <i>Add</i>	1/68/170 Nguyễn Hữu Điều, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Ngày quan trắc/ <i>Date of monitoring</i>	Ngày 09 tháng 12 năm 2014
Địa điểm quan trắc/ <i>Place of monitoring</i>	Hồ Thiên Nga, Hải Phòng
Tên mẫu/ <i>Name of sample</i>	Mẫu nước, điểm 1 (20°51'31,1"N; 106°41'41,2"E)

TT/ No	Thông số/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Kết quả/Results		Phương pháp/ Method
			M	Đ	
1	TSS	mg/l	152,8	170,4	TCVN 6625-2000
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	86,31	93,00	TCVN 6001-1995
3	COD	mg/l	290	352	TCVN 6491-1999
4	Tổng nitơ (N.T)	mg/l	136,54	151,63	APHA 4500N
5	Tổng photpho (P.T)	mg/l	17,82	19,01	APHA 4500P
6	Chlorophyll a	mg/l	6,42	4,58	10200 APHA, 1995

Ghi chú: M: MẪU NƯỚC CÁCH 30-50 CM SO VỚI MẶT NƯỚC HỒ TIỀN NGÃ

Đ: MẪU NƯỚC LẤY GẦN LỚP BÙN HỒ TIỀN NGÃ

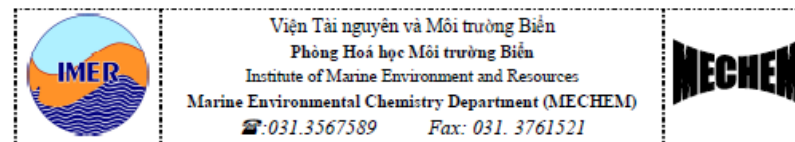
Phó Viện trưởng

TS. Đinh Văn Huy

Hải Phòng, ngày 17 tháng 12 năm 2014

TM/nhóm phân tích

KS. Vũ Thị Lựu



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HOÁ HỌC

Results of chemical analysis

Tên khách hàng/ <i>Name of clients</i>	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương Mại Anh Hương
Địa chỉ/ <i>Add</i>	1/68/170 Nguyễn Hữu Điều, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Ngày quan trắc/ <i>Date of monitoring</i>	Ngày 09 tháng 12 năm 2014
Địa điểm quan trắc/ <i>Place of monitoring</i>	Hồ Thiên Nga, Hải Phòng
Tên mẫu/ <i>Name of sample</i>	Mẫu nước, điểm 2 (20°51'30,8"N; 106°41'41,8"E)

TT/ No	Thông số/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Kết quả/Results		Phương pháp/ Method
			M	Đ	
1	TSS	mg/l	162,3	183,4	TCVN 6625-2000
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	82,91	90,52	TCVN 6001-1995
3	COD	mg/l	402	365	TCVN 6491-1999
4	Tổng nitơ (N.T)	mg/l	146,79	170,12	APHA 4500N
5	Tổng photpho (P.T)	mg/l	18,96	20,76	APHA 4500P
6	Chlorophyll a	mg/l	7,45	6,82	10200 APHA, 1995

Ghi chú: M: MẪU NƯỚC CÁCH 30-50 CM SO VỚI MẶT NƯỚC HỒ TIỀN NGÃ

Đ: MẪU NƯỚC LẤY GẦN LỚP BÙN HỒ TIỀN NGÃ

Phó Viện trưởng

TS. Đinh Văn Huy

Hải Phòng, ngày 17 tháng 12 năm 2014

TM/nhóm phân tích

KS. Vũ Thị Lựu

	Viện Tài nguyên và Môi trường Biển	
	Phòng Hoá học Môi trường Biển	
	Institute of Marine Environment and Resources	
	Marine Environmental Chemistry Department (MECHEM)	
	☎: 031.3567589	Fax: 031. 3761521

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HOÁ HỌC

Results of chemical analysis

Tên khách hàng/ <i>Name of clients</i>	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương Mại Anh Hương
Địa chỉ/ <i>Add</i>	1/68/170 Nguyễn Hữu Điều, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Ngày quan trắc/ <i>Date of monitoring</i>	Ngày 09 tháng 12 năm 2014
Địa điểm quan trắc/ <i>Place of monitoring</i>	Hồ Thiên Nga, Hải Phòng
Tên mẫu/ <i>Name of sample</i>	Mẫu nước, điểm 3 (20°51'34,1''N; 106°41'45,2''E)

TT/ No	Thông số/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Kết quả/Results		Phương pháp/ Method
			M	Đ	
1	TSS	mg/l	87,5	152,4	TCVN 6625-2000
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	47,65	74,38	TCVN 6001-1995
3	COD	mg/l	199	321	TCVN 6491-1999
4	Tổng nitơ (N.T)	mg/l	54,32	150,63	APHA 4500N
5	Tổng photpho (P.T)	mg/l	8,83	16,89	APHA 4500P
6	Chlorophyll a	mg/l	4,36	5,94	10200 APHA, 1995

Ghi chú: M: MẪU NƯỚC CÁCH 30-50 CM SO VỚI MẶT NƯỚC HỒ TIỀN NGÃ

Đ: MẪU NƯỚC LẤY GẦN LỚP BÙN HỒ TIỀN NGÃ

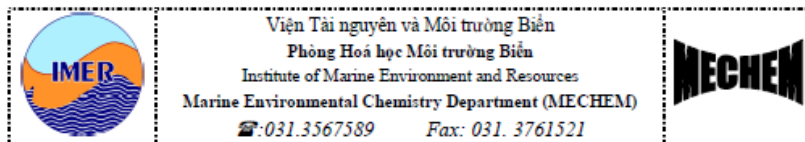
Phó Viện trưởng

Hải Phòng, ngày 17 tháng 12 năm 2014

TM/nhóm phân tích

TS. Đinh Văn Huy

KS. Vũ Thị Lựu



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HOÁ HỌC

Results of chemical analysis

Tên khách hàng/ <i>Name of clients</i>	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương Mại Anh Hương
Địa chỉ/ <i>Add</i>	1/68/170 Nguyễn Hữu Điều, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Ngày quan trắc/ <i>Date of monitoring</i>	Ngày 4 tháng 1 năm 2015
Địa điểm quan trắc/ <i>Place of monitoring</i>	Hồ Thiên Nga, Hải Phòng
Tên mẫu/ <i>Name of sample</i>	Mẫu nước, điểm 0 (20°51'30,6"N; 106°41'41,3"E)

TT/ No	Thông số/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Kết quả/Results	Phương pháp/ Method
1	TSS	mg/l	184,2	TCVN 6625-2000
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	108,75	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	419	TCVN 6491:1999
4	Tổng nitơ (N.T)	mg/l	213,02	APHA 4500N
5	Tổng photpho (P.T)	mg/l	21,96	APHA 4500P
6	Chlorophyll a	mg/l	7,81	10200 APHA, 1995

Ghi chú: MẪU NƯỚC LẤY GẦN LỚP BÙN HỒ TIÊN NGÀ

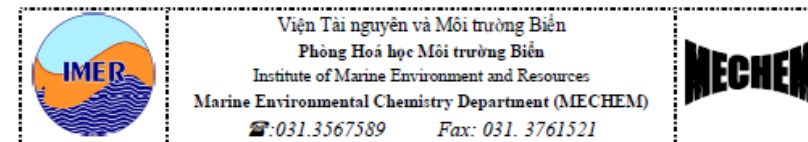
Hải Phòng, ngày 15 tháng 1 năm 2015

Phó Viện trưởng

TM/nhóm phân tích

TS. Đinh Văn Huy

KS. Vũ Thị Lựu



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HOÁ HỌC

Results of chemical analysis

Tên khách hàng/ <i>Name of clients</i>	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương Mại Anh Hương
Địa chỉ/ <i>Add</i>	1/68/170 Nguyễn Hữu Điều, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Ngày quan trắc/ <i>Date of monitoring</i>	Ngày 4 tháng 1 năm 2015
Địa điểm quan trắc/ <i>Place of monitoring</i>	Hồ Thiên Nga, Hải Phòng
Tên mẫu/ <i>Name of sample</i>	Mẫu nước, điểm 1 (20°51'31,1"N; 106°41'41,2"E)

TT/ No	Thông số/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Kết quả/Results	Phương pháp/ Method
1	TSS	mg/l	134,5	TCVN 6625-2000
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	72,64	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	260	TCVN 6491:1999
4	Tổng Nitơ (N.T)	mg/l	143,45	APHA 4500N
5	Tổng photpho (P.T)	mg/l	16,98	APHA 4500P
6	Chlorophyll a	mg/l	5,66	10200 APHA, 1995

Ghi chú: MẪU NƯỚC LẤY GẦN LỚP BÙN HỒ TIÊN NGÀ

Hải Phòng, ngày 15 tháng 1 năm 2015

Phó Viện trưởng

TM/nhóm phân tích

TS. Đinh Văn Huy

KS. Vũ Thị Lựu

	Viện Tài nguyên và Môi trường Biển Phòng Hoá học Môi trường Biển Institute of Marine Environment and Resources Marine Environmental Chemistry Department (MECHEM)		
	☎: 031.3567589 Fax: 031. 3761521		

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HOÁ HỌC
Results of chemical analysis

Tên khách hàng/ Name of clients	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương Mại Anh Hương
Địa chỉ/ Add	1/68/170 Nguyễn Hữu Điều, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Ngày quan trắc/ Date of monitoring	Ngày 4 tháng 1 năm 2015
Địa điểm quan trắc/ Place of monitoring	Hồ Thiên Nga, Hải Phòng
Tên mẫu/ Name of sample	Mẫu nước, điểm 2 (20°51'30,8"N; 106°41'41,8"E)

TT/ No	Thông số/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Kết quả/Results	Phương pháp/ Method
1	TSS	mg/l	152,8	TCVN 6625-2000
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	85,67	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	269	TCVN 6491:1999
4	Tổng Nitơ (N.T)	mg/l	165,23	APHA 4500N
5	Tổng photpho (P.T)	mg/l	18,64	APHA 4500P
6	Chlorophyll a	mg/l	6,08	10200 APHA, 1995

Ghi chú: MẪU NƯỚC LẤY GẦN LỚP Bùn HỒ TIÊN NGÀ

Hải Phòng, ngày 15 tháng 1 năm 2015

Phó Viện trưởng

TM/nhóm phân tích

TS. Đinh Văn Huy

KS. Vũ Thị Lựu

	Viện Tài nguyên và Môi trường Biển Phòng Hoá học Môi trường Biển Institute of Marine Environment and Resources Marine Environmental Chemistry Department (MECHEM)		
	☎: 031.3567589 Fax: 031. 3761521		

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HOÁ HỌC
Results of chemical analysis

Tên khách hàng/ Name of clients	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương Mại Anh Hương
Địa chỉ/ Add	1/68/170 Nguyễn Hữu Điều, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Ngày quan trắc/ Date of monitoring	Ngày 4 tháng 1 năm 2015
Địa điểm quan trắc/ Place of monitoring	Hồ Thiên Nga, Hải Phòng
Tên mẫu/ Name of sample	Điểm 5A (Mẫu nước trong bể kiểm tra chất lượng nước)

TT/ No	Thông số/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Kết quả/Results	Phương pháp/ Method
1	TSS	mg/l	87,4	TCVN 6625-2000
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	61,93	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	189	TCVN 6491:1999
4	Tổng nitơ (N.T)	mg/l	65,04	APHA 4500N
5	Tổng photpho (P.T)	mg/l	7,78	APHA 4500P
6	Chlorophyll a	mg/l	5,93	10200 APHA, 1995

Hải Phòng, ngày 15 tháng 1 năm 2015

Phó Viện trưởng

TM/nhóm phân tích

TS. Đinh Văn Huy

KS. Vũ Thị Lựu

	Viện Tài nguyên và Môi trường Biển Phòng Hoá học Môi trường Biển Institute of Marine Environment and Resources Marine Environmental Chemistry Department (MECHEM) ☎: 031.3567589 Fax: 031. 3761521		

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HOÁ HỌC
Results of chemical analysis

Tên khách hàng/ Name of clients	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương Mại Anh Hương
Địa chỉ/ Add	1/68/170 Nguyễn Hữu Điều, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Ngày quan trắc/ Date of monitoring	Ngày 20 tháng 1 năm 2015
Địa điểm quan trắc/ Place of monitoring	Hồ Thiên Nga, Hải Phòng
Tên mẫu/ Name of sample	Mẫu nước, điểm 0 (20°51'30,6"N; 106°41'41,3"E)

TT/ No	Thông số/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Kết quả/Results	Phương pháp/ Method
			Đ	
1	TSS	mg/l	140,6	TCVN 6625-2000
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	87,5	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	302	TCVN 6491:1999
4	Tổng nitơ (N.T)	mg/l	119,73	APHA 4500N
5	Tổng photpho (P.T)	mg/l	11,54	APHA 4500P
6	Chlorophyll a	mg/l	5,81	10200 APHA, 1995

Ghi chú: Đ: MẪU NƯỚC LẤY GẦN LỚP Bùn HỒ TIỀN NGÃ

Hải Phòng, ngày 30 tháng 1 năm 2015

Phó Viện trưởng

TM/nhóm phân tích

TS. Đinh Văn Huy

KS. Vũ Thị Lựu

	Viện Tài nguyên và Môi trường Biển Phòng Hoá học Môi trường Biển Institute of Marine Environment and Resources Marine Environmental Chemistry Department (MECHEM) ☎: 031.3567589 Fax: 031. 3761521		

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HOÁ HỌC
Results of chemical analysis

Tên khách hàng/ Name of clients	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương Mại Anh Hương
Địa chỉ/ Add	1/68/170 Nguyễn Hữu Điều, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Ngày quan trắc/ Date of monitoring	Ngày 20 tháng 1 năm 2015
Địa điểm quan trắc/ Place of monitoring	Hồ Thiên Nga, Hải Phòng
Tên mẫu/ Name of sample	Mẫu nước, điểm 1 (20°51'31,1"N; 106°41'41,2"E)

TT/ No	Thông số/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Kết quả/Results	Phương pháp/ Method
			Đ	
1	TSS	mg/l	93,4	TCVN 6625-2000
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	58,51	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	170	TCVN 6491:1999
4	Tổng nitơ (N.T)	mg/l	100,36	APHA 4500N
5	Tổng photpho (P.T)	mg/l	10,65	APHA 4500P
6	Chlorophyll a	mg/l	4,27	10200 APHA, 1995

Ghi chú: Đ: MẪU NƯỚC LẤY GẦN LỚP Bùn HỒ TIỀN NGÃ

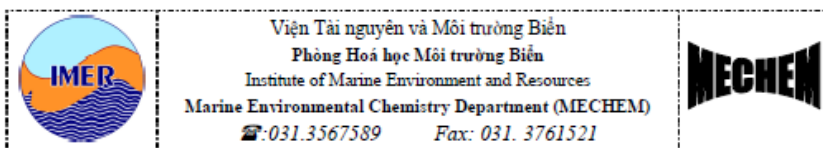
Hải Phòng, ngày 30 tháng 1 năm 2015

Phó Viện trưởng

TM/nhóm phân tích

TS. Đinh Văn Huy

KS. Vũ Thị Lựu



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HOÁ HỌC

Results of chemical analysis

Tên khách hàng/ <i>Name of clients</i>	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương Mại Anh Hương
Địa chỉ/ <i>Add</i>	1/68/170 Nguyễn Hữu Điều, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Ngày quan trắc/ <i>Date of monitoring</i>	Ngày 20 tháng 1 năm 2015
Địa điểm quan trắc/ <i>Place of monitoring</i>	Hồ Thiên Nga, Hải Phòng
Tên mẫu/ <i>Name of sample</i>	Mẫu nước, điểm 2 (20°51'30,8"N; 106°41'41,8"E)

TT/ No	Thông số/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Kết quả/Results Đ	Phương pháp/ Method
1	TSS	mg/l	122,4	TCVN 6625-2000
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	80,87	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	215	TCVN 6491:1999
4	Tổng nitơ (N.T)	mg/l	140,46	APHA 4500N
5	Tổng photpho (P.T)	mg/l	13,08	APHA 4500P
6	Chlorophyll a	mg/l	6,01	10200 APHA, 1995

Ghi chú: D: MẪU NƯỚC LẤY GẦN LỚP BÙN HỒ TIỀN NGÃ

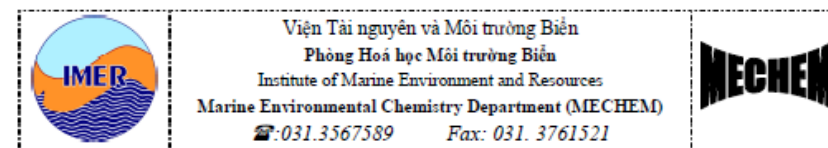
Hải Phòng, ngày 30 tháng 1 năm 2015

Phó Viện trưởng

TM/nhóm phân tích

TS. Đinh Văn Huy

KS. Vũ Thị Lựu



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HOÁ HỌC

Results of chemical analysis

Tên khách hàng/ <i>Name of clients</i>	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương Mại Anh Hương
Địa chỉ/ <i>Add</i>	1/68/170 Nguyễn Hữu Điều, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Ngày quan trắc/ <i>Date of monitoring</i>	Ngày 20 tháng 1 năm 2015
Địa điểm quan trắc/ <i>Place of monitoring</i>	Hồ Thiên Nga, Hải Phòng
Tên mẫu/ <i>Name of sample</i>	Mẫu nước, điểm 3 (20°51'34,1"N; 106°41'45,2"E)

TT/ No	Thông số/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Kết quả/Results Đ	Phương pháp/ Method
1	TSS	mg/l	123,2	TCVN 6625-2000
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	70,45	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	180	TCVN 6491:1999
4	Tổng nitơ (N.T)	mg/l	125,93	APHA 4500N
5	Tổng photpho (P.T)	mg/l	11,87	APHA 4500P
6	Chlorophyll a	mg/l	5,39	10200 APHA, 1995

Ghi chú: D: MẪU NƯỚC LẤY GẦN LỚP BÙN HỒ TIỀN NGÃ

Hải Phòng, ngày 30 tháng 1 năm 2015

Phó Viện trưởng

TM/nhóm phân tích

TS. Đinh Văn Huy

KS. Vũ Thị Lựu

	Viện Tài nguyên và Môi trường Biển Phòng Hoá học Môi trường Biển Institute of Marine Environment and Resources Marine Environmental Chemistry Department (MECHEM)	
	☎: 031.3567589 Fax: 031. 3761521	

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HOÁ HỌC

Results of chemical analysis

Tên khách hàng/ <i>Name of clients</i>	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương Mại Anh Hương
Địa chỉ/ <i>Add</i>	1/68/170 Nguyễn Hữu Điều, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Ngày quan trắc/ <i>Date of monitoring</i>	Ngày 20 tháng 1 năm 2015
Địa điểm quan trắc/ <i>Place of monitoring</i>	Hồ Thiên Nga, Hải Phòng
Tên mẫu/ <i>Name of sample</i>	Điểm 5 (Mẫu nước trong bể kiểm tra chất lượng nước)

TT/ No	Thông số/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Kết quả/Results	Phương pháp/ Method
1	TSS	mg/l	49,5	TCVN 6625-2000
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	40,98	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	115	TCVN 6491:1999
4	Tổng nito (N.T)	mg/l	30,07	APHA 4500N
5	Tổng photpho (P.T)	mg/l	5,79	APHA 4500P
6	Chlorophyll a	mg/l	4,03	10200 APHA, 1995

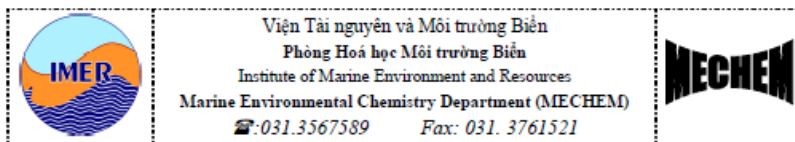
Hải Phòng, ngày 30 tháng 1 năm 2015

Phó Viện trưởng

TM/nhóm phân tích

TS. Đinh Văn Huy

KS. Vũ Thị Lựu



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HOÁ HỌC

Results of chemical analysis

Tên khách hàng/ Name of clients	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương Mại Anh Hương
Địa chỉ/ Add	1/68/170 Nguyễn Hữu Điều, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Ngày quan trắc/ Date of monitoring	Ngày 09 tháng 12 năm 2014
Địa điểm quan trắc/ Place of monitoring	Hồ Thiên Nga, Hải Phòng
Tên mẫu/ Name of sample	Mẫu nước, điểm 1 (20°51'31,1"N; 106°41'41,2"E)

TT/ No	Thông số/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Kết quả/Results		Phương pháp/ Method
			M	Đ	
1	TSS	mg/l	152,8	170,4	TCVN 6625-2000
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	86,31	93,00	TCVN 6001-1995
3	COD	mg/l	290	352	TCVN 6491-1999
4	Tổng nitơ (N.T)	mg/l	136,54	151,63	APHA 4500N
5	Tổng photpho (P.T)	mg/l	17,82	19,01	APHA 4500P
6	Chlorophyll a	mg/l	6,42	4,58	10200 APHA, 1995

Ghi chú: M: MẪU NƯỚC CÁCH 30-50 CM SO VỚI MẶT NƯỚC HỒ TIỀN NGÃ

Đ: MẪU NƯỚC LẤY GẦN LỚP BÙN HỒ TIỀN NGÃ

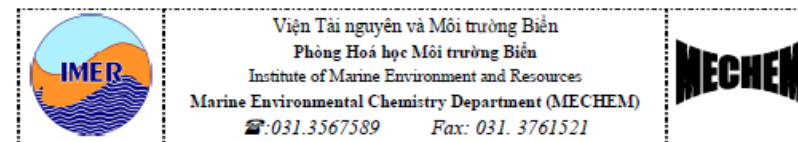
Phó Viện trưởng

TS. Đinh Văn Huy

Hải Phòng, ngày 17 tháng 12 năm 2014

TM/nhóm phân tích

KS. Vũ Thị Lựu



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HOÁ HỌC

Results of chemical analysis

Tên khách hàng/ Name of clients	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương Mại Anh Hương
Địa chỉ/ Add	1/68/170 Nguyễn Hữu Điều, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Ngày quan trắc/ Date of monitoring	Ngày 09 tháng 12 năm 2014
Địa điểm quan trắc/ Place of monitoring	Hồ Thiên Nga, Hải Phòng
Tên mẫu/ Name of sample	Mẫu nước, điểm 2 (20°51'30,8"N; 106°41'41,8"E)

TT/ No	Thông số/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Kết quả/Results		Phương pháp/ Method
			M	Đ	
1	TSS	mg/l	162,3	183,4	TCVN 6625-2000
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	82,91	90,52	TCVN 6001-1995
3	COD	mg/l	402	365	TCVN 6491-1999
4	Tổng nitơ (N.T)	mg/l	146,79	170,12	APHA 4500N
5	Tổng photpho (P.T)	mg/l	18,96	20,76	APHA 4500P
6	Chlorophyll a	mg/l	7,45	6,82	10200 APHA, 1995

Ghi chú: M: MẪU NƯỚC CÁCH 30-50 CM SO VỚI MẶT NƯỚC HỒ TIỀN NGÃ

Đ: MẪU NƯỚC LẤY GẦN LỚP BÙN HỒ TIỀN NGÃ

Phó Viện trưởng

TS. Đinh Văn Huy

Hải Phòng, ngày 17 tháng 12 năm 2014

TM/nhóm phân tích

KS. Vũ Thị Lựu



Water Quality

Result of analysis

	水温 (Water temp °C)		
	9-Dec-14	4-Jan-15	20-Jan-15
①	-	19.66	20.04
②	20.85	19.45	19.84
③	21.00	19.38	19.55
④	21.47	-	19.39
⑤	21.47	-	19.25
⑥	-	18.52	19.69
⑦	20.60	-	20.71



Water Quality

Result of analysis

	D O (mg/L)		
	9-Dec-14	4-Jan-15	20-Jan-15
⑤	-	24.3	17.46
①	0	8.08	2.53
②	0	5.29	1.75
③	0	-	0.08
④	0	-	0.11
⑥	-	-	-

Water Quality

Result of analysis

	Point 0 (Suction)		
	9-Dec-14	4-Jan-15	20-Jan-15
SS	-	184.2	140.6
BOD	-	108.75	87.5
COD	-	419	302
T-N	-	213.02	119.73

Water Quality

Result of analysis

	Drain Point 1		
	9-Dec-14	4-Jan-15	20-Jan-15
SS	-	134.5	93.4
BOD	-	72.64	58.51
COD	-	260	170
T-N	-	143.45	100.36
T-P	-	16.08	10.65

Result of analysis

	Drain Point 2		
	9-Dec-14	4-Jan-15	20-Jan-15
SS	183.4	152.8	122.4
BOD	90.52	85.67	80.87
COD	365	269	215
T-N	170.12	165.23	140.46
T-P	20.76	18.64	12.08

Water Quality

Result of analysis

	Point 3 (Sewage IN)		
	9-Dec-14	4-Jan-15	20-Jan-15
SS	152.4	-	123.2
BOD	74.38	-	70.45
COD	321	-	180
T-N	150.63	-	125.93

Water Quality

Result of analysis

	Point 5 (Sampling Tank)		
	9-Dec-14	4-Jan-15	20-Jan-15
SS	-	87.4	49.5
BOD	-	61.93	40.98
COD	-	189	115
T-N	-	65.04	30.07



State of activity





State of activity





State of activity





State of activity



State of activity

